TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 10 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2018/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị T; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn S1, xã ĐL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ 22, VP, MK, huyện ĐT, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Đình Th (tên gọi khác là Phạm Văn Th); địa chỉ: Thôn S1, xã ĐL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th1; địa chỉ: Thôn S1, xã ĐL, huyện NT, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ của ông Phạm Đình Th); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn B - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Cao Thị T và ông Phạm Đình Th kết hôn với nhau vào năm 1988, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại thôn S1, xã ĐL, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2000, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Phạm Đình Th mắc bệnh tâm thần phân liệt, bà Cao Thị T đã tận tình chăm sóc chữa bệnh cho ông Phạm Đình Th nhưng bệnh không khỏi, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2000 đến nay. Nay, bà Cao Thị T nhận thấy khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Phạm Đình Th. Vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1989. Hiện nay con đã kết hôn và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung.

Ý kiến và đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của ông Phạm Đình Th. Ông Th và bà T kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện như bà T trình bày là đúng. Sau khi sinh con được một hai năm thì ông Th phát bệnh tâm thần thường xuyên đánh đập vợ. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu. Nay bà T xin ly hôn ông Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung, ông Th và và T có 01 con chung tên Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1989, hiện nay cháu đã lấy chồng và ở riêng. Về tài sản chung, ông Th và bà T không có tài sản gì chung.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Bùi Văn B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, đồng ý với đề nghị của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn vì mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung nhưng đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Con chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Bản sao Chứng minh nhân dân và bản sao Sổ hộ khẩu gia đình của, bản sao trích lục kết hôn, bản sao giấy khai

sinh của con chung, quyết định về việc trợ cấp xã hội, quyết định cử trợ giúp viên pháp lý; biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Đình Th và bà Cao Thị T được xác lập vào năm 1988 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Th bị bệnh tâm thần ngày càng nặng bà T đã chăm sóc chữa bệnh cho ông Th nhưng không khỏi, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của bà Cao Thị T là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác định vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1989. Hiện nay con đã thành niên và có khả năng lao động, đã kết hôn nên không đề nghị Tòa án xem xét, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T được ly hôn ông Phạm Đình Th (tên gọi khác là Phạm Văn Th).

2. Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009359 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; bà Cao Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã LĐ, huyện TN;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn